TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 30/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 17/03/2023
V/v:"*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Huy Toàn
Ông Nguyễn Lơn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 667/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2023 về việc "***Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* **N** đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1962
Địa chỉ: **Tổ dân phố Ph, phường N, thị xã N, tỉnh K**Có mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Trung **N**, sinh năm 1962
Địa chỉ: **Tổ dân phố Ph, phường N, thị xã N, tỉnh K**Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/7/2022, bản tự khai ngày 02/11/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa **N** đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày:*

Bà H và ông **N** tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 1981 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông **N** thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Bà H và ông **N** đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Bà H và ông **N** có 05 con chung là Lê Thị **H N**, sinh năm 1982; Lê Trung **K**, sinh năm 1984; Lê Trung, sinh năm 1988; Lê Thị **H**, sinh năm 1990; Lê Trung **T**, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Trung **N**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông **N** được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông **N** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa **N** đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của **N** đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của **N** đơn. Về con chung: các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Trung **N** đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 24/02/2023 ông **N** đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 17/03/2023 ông **N** tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[2] Về thẩm quyền giải quyết: **N** đơn bà Bùi Thị Thu H khởi kiện bị đơn ông Lê Trung **N** có địa chỉ tại Tổ dân phố Phú Thạnh, phường Ninh Thủy, thị xã N về việc "Ly hôn" là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H và ông Lê Trung **N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 05/5/1981. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H thì quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông **N** không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm

sống làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ **N** yêu cầu được ly hôn với ông **N** vì không còn tình nghĩa vợ chồng, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông **N** đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà H nhưng đến thời điểm này ông **N** vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông **N** đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông **N** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà H là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Thu H đối với ông Lê Trung **N**.

[4] Về con chung: Bà Bùi Thị Thu H và ông Lê Trung **N** có 05 con chung là Lê Thị **H N**, sinh năm 1982; Lê Trung **K**, sinh năm 1984; Lê Trung **N**, sinh năm 1988; Lê Thị **H PH**, sinh năm 1990; Lê Trung **T**, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H – là người cao tuổi nên thuộc thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **N** đơn bà Bùi Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Trung **N**.

2. Về con chung: Bà Bùi Thị Thu H và ông Lê Trung **N** có 05 con chung là Lê Thị **H N**, sinh năm 1982; Lê Trung **K**, sinh năm 1984; Lê Trung **N**, sinh năm 1988; Lê Thị **H PH**, sinh năm 1990; Lê Trung **T**, sinh năm 1993. Các con

chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Bùi Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005200 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Quyền kháng cáo: **N** đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường L, TP N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy